TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 92/2024/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 06 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phùng Thị L, sinh năm: 1975.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn L1, sinh năm: 1979 (Trong Giấy chứng nhận kết hôn là Lê Văn L2; Trong Căn cước công dân là Lê Văn L1. Theo xác nhận ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã A thì hai họ tên này của cùng một người).

Cùng địa chỉ: ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phùng Văn Đ, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phùng Thị L với ông Lê Văn L1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phùng Thị L và ông Lê Văn L1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Phùng Thị L và ông Lê Văn L1 thống nhất xác định có hai con chung là Lê Thị Trúc L3 - sinh ngày 12/4/2000 và Lê Thị Sa L4 - sinh ngày 23/11/2003 đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Phùng Thị L và ông Lê Văn L1 thống nhất xác định không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu*: Bà Phùng Thị L và ông Lê Văn L1 thống nhất xác định không nợ chung phải thu, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải trả*: Ngày 27/02/2024, bà Phùng Thị L có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết nợ chung khi ly hôn với ông Lê Văn L1 đối với tiền nợ vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) của ông Phùng Văn Đ. Ông L1 thống nhất việc bà L rút phần yêu cầu này. Đối với ông Đ (anh ruột của bà L), tại Biên bản lấy lời khai và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cùng ngày 22/02/2024 thì ông Đ thống nhất không tranh chấp, chưa khởi kiện trong cùng vụ án, mà tự thỏa thuận giải quyết tiền nợ với bà L, ông L1. Nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết nợ chung khi ly hôn, bà L tự nguyện rút phần yêu cầu này, nên Tòa án đình chỉ giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu có tranh chấp yêu cầu.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Phùng Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0017850 ngày 19 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả lại cho bà L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ông Lê Văn L1 không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Phùng Văn Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo